UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG LƯƠNG TÀI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 84 /QĐ-UBND	*Lương Tài, ngày 14 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án Cải tạo, mở rộng Nghĩa trang thôn Bà Khê

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG LƯƠNG TÀI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của UBND xã Lương Tài về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, mở rộng Nghĩa trang thôn Bà Khê; Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 12/10/2026 của Chủ tịch UBND phường Lương Tài về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;

Căn cứ Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 của UBND xã Lương Tài về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng dự án Cải tạo, mở rộng Nghĩa trang thôn Bà Khê;

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 03/10/2026 của Chủ tịch UBND phường Lương Tài về việc giao Ban Quản lý dự án xây dựng Lương Tài làm Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn phường; các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo số 09/TBTĐ-PKT ngày 13/10/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Cải tạo, mở rộng Nghĩa trang thôn Bà Khê;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 40A/TTr-BQLDA ngày 13/10/2026 của Ban Quản lý dự án xây dựng Lương Tài.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, mở rộng Nghĩa trang thôn Bà Khê, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, mở rộng Nghĩa trang thôn Bà Khê.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: Theo quy định hiện hành.

3. Địa điểm xây dựng: Thôn Bà Khê, phường Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh (nay là TDP Bà Khê, phường Lung Tài, thành phố Bắc Ninh).

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND phường Lương Tài.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xây dựng Lương Tài.

6. Tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế kiến trúc Sông Cầu.

7. Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Đại Việt.

8. Mục tiêu dự án: Di chuyển mồ mả của người dân địa phương, đáp ứng nguyện vọng cải tạo nghĩa trang theo hướng văn minh, khang trang; đồng thời bàn giao mặt bằng phục vụ dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng

9.1. Quy mô: Đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng nghĩa trang thôn Bà Khê với diện tích khoảng 2,5ha, gồm các hạng mục GPMB; san nền, đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước, khuôn viên cây xanh, cổng, tường bao và các công trình phụ trợ khác.

9.2. Các giải pháp thiết kế cải tạo chủ yếu

a) San nền

- Độ dốc san nền hoàn thiện i≥0.5%.

- Cao độ thiết kế san nền các lô đất xây dựng mộ được khống chế thấp cao độ đường giao thông khoảng 18cm (bằng chiều dày lớp bê tông mặt đường) để hoàn thiện các kết cấu phần mộ, trách đào bỏ đi.

- Cao độ thiết kế san nền các lô đất cây xanh được khống chế thấp cao độ đường giao thông khoảng 5÷10cm.

- Thiết kế san nền đảm bảo để khối lượng công thi công ít nhất. Cao độ san nền hợp lý đảm bảo thi công hoàn thiện các lớp kết cấu đặc trưng và phù hợp với các công trình liên quan.

- Trước khi san nền cần bóc lớp hữu cơ, bùn,… khu vực xây công trình và đường giao thông dày trung bình 0,3m. Tận dụng đất hữu cơ, bùn… đắp trên mặt các khu cây xanh (chiều dày đắp phủ trung bình 0,53cm).

- Vật liệu san nền: Dùng cát san nền độ chặt K≥0.90 đến cao độ +2.67 (cao độ đáy lớp K95 nền đường). Phạm vi đường giao thông, bãi đỗ xe đắp cát san nền K≥95 dày 30cm, phạm vi xây dựng mộ và các công trình đắp cát san nền K≥0.90 dày 0,45m đến cao độ +3.12. Khu vực cây xanh đắp đất hữu cơ, bùn…

- Khu vực đắp nền đắp theo từng lớp dày từ 20cm đến 30 cm, đảm bảo độ chặt theo yêu cầu.

b) Hạng mục đường giao thông, bãi đỗ xe

* Đường giao thông:

- Bình đồ tuyến tuân thủ theo đúng quy hoạch được duyệt, trong dự án hình thành 5 mặt cắt đường nội bộ, bao gồm:

+ MC 1-1 từ nút N8 đến cây hương có chiều dài 62,8m, mặt cắt rộng 7,0m tương ứng với cao độ thiết kế tại nút N8 là +3.30m, cao độ thiết kế tại tim trước cây hương là +3.30m.

+ MC 2-2 và MC 3-3 mặt cắt rộng 3,5m tương ứng với cao độ thiết kế tại các nút là +3.30m.

- Hướng tuyến cũng như vị trí tim tuyến được thiết kế tuân thủ theo quy hoạch chi tiết được duyệt. Bình đồ thiết kế bao gồm phạm vi nền, mặt đường, phạm vi các công trình thoát nước như cống ngang, cống dọc.

- Tại vị trí các vị trí tiếp giáp với đường hiện trạng, bình đồ tuyến được thiết kế phối hợp hài hòa, không gây cản trở để đảm bảo xe chạy thuận lợi…

- Nút giao thông:

+ Nút giao được hình thành tại nơi các tuyến đường giao nhau và hướng tuyến thay đổi có ngóc ngoặt lớn. Các tuyến đường trong dự án tạo thành 12 nút giao, bao gồm: Nút giao N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, N8, N9, N10, N11, N12.

+ Sử dụng nút giao đơn giản, là nút giữ nguyên bề rộng nhánh dẫn tới nút, rồi vuốt các góc giao của đường bằng các đường cong đơn giản.

+ Các nút giao các tuyến trong khu vực được thiết kế mở rộng, vuốt các góc giao theo bán kính R=2-3m.

- Độ dốc ngang mặt đường: in= 2%.

- Kết cấu mặt đường: Dùng kết cấu áo đường bê tông xi măng theo tiêu chuẩn thiết kế TCCS 39:2022/TCĐBVN. Bao gồm các lớp:

+ Bê tông đá 2x4 mác 250 dày 18cm.

+ Lót nilon chống mất nước.

+ Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm.

+ Đắp cát san nền đầm chặt K≥0,95 dày 30cm.

- Thiết kế nền đường: Trước khi đắp nền đường phải tiến hành đào bỏ lớp đất không thích hợp, bóc bỏ lớp hữu cơ và bùn dẻo chiều, dày trung bình là 30cm. Vật liệu đắp nền đường là cát san nền độ chặt K≥0.9.

* Bãi đỗ xe: Kết cấu như kết cấu đường giao thông, ngăn cách giữa phần lòng đường và bãi đỗ xe bằng vạch sơn trắng rộng 20cm.

c) Hạng mục chiếu sáng hạ tầng

- Nguồn cấp điện cho khu vực nghĩa trang được dự kiến cấp điện từ TBA Bà Khê 2 của thôn Bà Khê cách dự án khoảng 800m. Tủ điện tổng 3P-50A được đặt tại nhà chờ mai táng.

- Cấp điện cho đèn, quạt của nhà chờ mai táng dùng dây lõi đồng Cu/PVC/PVC (2x1.5)mm^2. Đường dây cấp điện cho ổ cắm dùng dây Cu/PVC/PVC (2x2.5)mm^2. Dây dẫn được luồn trong ống ghen D20 chống cháy và đi ngầm trong tường, trần.

- Nguồn cấp điện cho hệ thống điện chiếu sáng đường và bãi đỗ xe được lấy tủ tổng trong nhà chờ mai táng, cấp nguồn cho các đèn chiếu sáng sử dụng Cu- XLPE/ PVC/DSTA/ PVC-0,6/1kV có tiết diện 2x4 mm^2 chôn trực tiếp dưới đất; Đèn chiếu sáng dùng loại chóa đèn LED 90W tiết kiệm điện đối với chiếu sáng đường phố (hoặc loại có các điều kiện kỹ thuật tương đương).

+ Dây lên đèn: Từ sau các áp tô mát 1 pha 6A trong bảng điện cửa cột hoặc hộp đấu nối sử dụng cáp đồng bọc Cu/PVC/PVC-2x2,5mm^2 để đấu nối lên các đèn. Dây lên đèn được luồn dọc trong thân cột đèn chiếu sáng để đấu nối vào các đèn.

+ Tiếp địa an toàn cho cột đèn: Tất cả các vị trí cột đèn chiếu sáng đều được lắp đặt tiếp địa.

+ Đối với các vị trí cột trùng với tiếp địa lắp lại của lưới điện cáp ngầm dùng 01 sợi dây nối từ tiếp địa phần ngầm lên bắt trực tiếp vào bu lông khung móng cột.

+ Các vị trí cột còn lại đều được tiếp địa an toàn bằng bộ tiếp địa T1C-2,5 chôn sâu 0,7m; trị số điện trở đảm bảo theo quy phạm nếu không đạt phải bổ sung thêm cọc.

+ Móng cột: Móng cột có kích thước 0,8x0,8x1m và dùng loại móng bê tông mác 200 đổ tại chỗ có các khung thép định hình cho từng loại cột, các khung thép này có các bu lông để cố định đế cột vào móng; Cáp ngầm được luồn qua ống nhựa đặt sẵn trong móng cột để đấu nối lên bảng điện cửa cột.

d) Hạng mục cấp thoát nước

* Cấp nước: Nguồn cấp lấy từ hệ thống cấp nước sạch trong khu dân cư cách dự án khoảng 600m. Cấp nước rửa cho dự án bằng 01 vòi đặt tại cạnh nhà chờ. Ống và phụ kiện ống dùng loại HDPE - PN10.

* Thoát nước: Thiết kế rãnh thu nước B400mm, nước mưa được thu gom, vận chuyển và thoát vào kênh tiêu nội đồng phía Tây dự án. Kết cấu rãnh sử dụng kết cấu như sau:

+ Bê tông xi măng M200# đáy rãnh dày 15cm.

+ Láng đáy rãnh vữa xi măng M75 dày 2,0cm.

+ Xây tường gạch xi măng M100, vữa M75 dày 22cm.

+ Trát tường rãnh vữa xi măng M75 dày 2,0cm.

+ Bê tông xi măng cổ rãnh M250 dày 22cm.

+ Nắp rãnh BTCT đá 1x2 mác 250 dày 12cm.

- Nắp đậy rãnh thiết kế bê tông cốt thép M250, đá 1x2 dày 12cm đổ liền tại chỗ áp dụng cho toàn bộ các tuyến. Thiết kế tấm nắp đan có lỗ thu nước, khoảng cách 10m/tấm.

- Thiết kế hệ thống hố ga thu thăm kết hợp, bố trí hố ga tại các điểm rãnh giao nhau và rãnh chuyển hướng, kết cấu hố ga như sau:

+ Bê tông xi măng M200# đáy ga dày 20cm.

+ Láng đáy ga vữa xi măng M75 dày 2,0cm.

+ Xây tường gạch xi măng M100, vữa M75 dày 22cm.

+ Trát tường ga vữa xi măng M75 dày 2,0cm.

+ Bê tông xi măng cổ ga M250 dày 22cm.

+ Nắp ga BTCT đá 1x2 mác 250 dày 12cm.

e) Hạng mục nhà chờ, cây hương

- Nhà chờ xây dựng diện tích khoảng 36m^2, chiều cao khoảng 5m.

+ Móng sử dụng móng đơn đổ BTCT M200# kết hợp móng băng xây gạch, cột dầm sàn đổ BTCT M200#.

+ Tường xây dùng gạch không nung M100#.

+ Vữa xi măng cát ,75#, trát M75#, trát trần xi măng cát M75#.

+ Hoàn thiện sơn lót 1 nước màu 2 nước.

+ Nền lát gạch granite 600x600 vữa lót xi măng cát M50#.

+ Mái lợp tôn kết hợp tường xà gồ vì kèo sắt.

+ Cửa đi là cửa nhôm hệ.

+ Hoa sắt bảo vệ cửa sổ sử dụng inox 14x14x1.2ly

- Cây hương xây dựng diện tích khoảng 12m^2 dựng khung bê tông cốt thép kết hợp tường xây và mái ngói truyền thống, tổ chức không gian mở, cao khoảng 5m tính từ nền hoàn thiện đến đỉnh mái. Cao độ nền công trình cao hơn 0.45m so với cốt đường hoàn thiện.

f) Hạng mục cổng, tường rào

- Cổng có khẩu độ thông thủy khoảng 6,0m, đáp ứng nhu cầu lưu thông của phương tiện và người dân ra vào nghĩa trang. Hai bên bố trí trụ cổng kích thước khoảng 600×600 mm, chiều cao khoảng 3,7m. Trụ cổng được xây dựng bằng hệ kết cấu bê tông cốt thép. Cánh cổng được thiết kế dạng cổng mở hai cánh đối xứng, chiều rộng mỗi cánh khoảng 3,0m chất liệu inox 304.

- Hai bên cổng kết nối với hệ tường rào xây gạch thiết kế dạng đặc, phù hợp với tổng thể kiến trúc và cảnh quan nghĩa trang.

- Các trụ tường được bố trí theo bước hợp lý khoảng 3m nhằm tăng độ ổn định kết cấu và nhịp điệu kiến trúc.

- Chiều cao tổng thể tường rào khoảng 1,8m, trụ tường xây gạch đặc kích thước 220x330mm, bề dày thân tường 110mm trát vữa xi măng M75# và sơn hoàn thiện.

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng

- Số bước thiết kế: Một bước thiết kế kinh tế kỹ thuật.

- Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

STT	Quy chuẩn, Tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	**Khảo sát địa hình và thủy văn**	
1	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987

STT	Quy chuẩn, Tiêu chuẩn	Mã hiệu
2	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
3	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
III	**Thiết kế**	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng	QCVN 01:2021/BXD
2	Quy chuẩn quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2023/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống điện và nhà công cộng	QCVN 12:2014/BXD
4	Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế	TCVN 10380:2014
5	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS39:2022/TCĐBVN
6	Móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8859-2023
7	Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế	TCVN13606-2023
8	Thoát nước mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế	TCVN 7957:2023
9	Nghĩa trang đô thị	TCVN 7956:2008
10	Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế	TCVN 4319:2012
11	Tải trọng và tác động	TCVN 2737:2023
12	Kết cấu gạch đá và gạch đá có cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573:2011
13	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cấu thép	TCVN 5574:2018
14	Thiết kế kết cấu thép	TCVN 5575:2024
15	Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình	TCVN 9362:2012
16	Chống sét cho các công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế và bảo trì hệ thống	TCVN 9385:2012
17	Đặt thiết bị điện trong nhà và công trình công cộng. Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9206:2011

STT	Quy chuẩn, Tiêu chuẩn	Mã hiệu
18	Đặt đường dây điện trong nhà và công trình công cộng. Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9207:2011
19	Công tác đất - thi công và nghiệm thu	TCVN 4447-2012

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: 41.325.582.000 đồng *(Bốn mươi mốt tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn đồng)*, trong đó:

- Chi phí bồi GPMB: 14.638.412.000 đồng.
- Chi phí xây dựng: 22.144.665.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 538.927.000 đồng.
- Chi phí ĐTXD: 1.441.652.000 đồng.
- Chi phí khác: 594.041.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 1.967.885.000 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án: 2026 - 2030.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn: Ngân sách thành phố hỗ trợ, ngân sách phường và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án xây dựng Lương Tài.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn nhà thầu, tổ chức ký kết hợp đồng kinh tế, giám sát chất lượng, tiến độ công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Ban Quản lý dự án xây dựng Lương Tài và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG LƯƠNG TÀI T.P BẮC NINH

Nguyễn Huy Trí